

## MỘT SỐ GÓP Ý HOÀN THIỆN DỰ THẢO LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

TS. NGUYỄN BÍCH THẢO

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

## Thông tin bài viết:

*Từ khóa:* Trí tuệ nhân tạo; quản trị trí tuệ nhân tạo; Luật Trí tuệ nhân tạo.

*Lịch sử bài viết:*

Nhận bài : 09/11/2025

Hoàn thành phản biện: 19/11/2025

Duyệt đăng : 21/11/2025

## Tóm tắt:

Bài viết khái quát một số xu hướng lập pháp nhằm quản trị trí tuệ nhân tạo hiện nay trên thế giới và tham chiếu với Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo của Việt Nam sẽ được Quốc hội khóa XV thảo luận và thông qua tại Kỳ họp thứ 10, từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện Dự thảo Luật quan trọng này.

## Article Information:

*Keywords:* artificial intelligence; AI governance; AI Law.

*Article History:*

Received : 09 Nov. 2025

Review completed : 19 Nov. 2025

Approved : 21 Nov. 2025

## Abstract:

This Article outlines several global legislative trends to govern artificial intelligence (AI) in the world and references them against Vietnam's Draft Law on Artificial Intelligence, which is scheduled for discussion and passage by the 15th National Assembly at the 10th Session. Then, it offers some recommendations to improve this important Draft Law.

## 1. Tổng quan xu hướng lập pháp nhằm quản trị trí tuệ nhân tạo hiện nay trên thế giới

Trên thế giới, trong những năm gần đây, các quốc gia đã theo đuổi các mô hình lập pháp khác nhau nhằm quản trị trí tuệ nhân tạo (TTNT) đạt được sự cân bằng giữa mục tiêu quản lý (kiểm soát, hạn chế rủi ro) và mục tiêu khuyến khích, thúc đẩy phát triển. Quản trị TTNT được hiểu là quá trình tổ chức, điều hướng để định hình cách TTNT được nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng thông qua các chính sách, chuẩn mực, luật pháp và thể chế nhằm thúc đẩy các quyết định đúng đắn (hiệu quả, an toàn, toàn diện, hợp pháp, thích ứng)<sup>1</sup>.

Để quản trị TTNT thành công phải không những bảo đảm rằng hệ thống TTNT theo đuổi các mục tiêu phù hợp với mục tiêu của nhà nghiên cứu, phát triển, triển khai, vận hành hệ thống mà còn phù hợp với các mục tiêu rộng lớn hơn của xã hội, có tính đến tất cả những người bị ảnh hưởng bởi hệ thống<sup>2</sup>. Xuất phát từ bản chất, đặc tính của TTNT và từ thực tiễn kinh nghiệm quốc tế cho thấy để quản trị TTNT hiệu quả, cần sự kết hợp mang tính tổng hợp của nhiều công cụ, biện pháp đa dạng: các quy tắc luật cứng (hard law - quy định pháp luật mang tính bắt buộc thi hành), các quy tắc luật mềm

<sup>1</sup> Bullock, J. B., Chen, Y. C., Himmelreich, J., Hudson, V. M., Korinek, A., Young, M. M., & Zhang, B. (eds.). (2024), *The Oxford Handbook of AI governance*, Oxford University Press., p. 1.

<sup>2</sup> The Oxford Handbook of AI Governance, sđd, p. 69.

(soft law - các nguyên tắc, hướng dẫn mang tính khuyến nghị), các quy tắc điều chỉnh nội bộ trong ngành, lĩnh vực (industry self-governance), khung quy tắc thử nghiệm (regulatory sandboxes)<sup>3</sup>.

Theo nghiên cứu của Viện Alan Turing (Vương quốc Anh), các công cụ quản trị TTNT bao gồm ba nhóm chính<sup>4</sup>:

*Thứ nhất*, các nguyên tắc và khung khổ mang tính tổng quát (principles and frameworks) xác định các giá trị và chuẩn mực chung, nền tảng, mang tính tự nguyện và không có hiệu lực bắt buộc thi hành, mà chỉ có tính chất khuyến nghị. Các khung khổ và nguyên tắc này thường được đưa ra bởi các tổ chức quốc tế đa phương, liên chính phủ, ví dụ, bộ nguyên tắc về TTNT có trách nhiệm và đáng tin cậy của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) năm 2019 và được cập nhật năm 2024, Khuyến nghị của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) về đạo đức TTNT năm 2021, Hướng dẫn của ASEAN về quản trị và đạo đức TTNT năm 2024...

*Thứ hai*, cơ chế bảo đảm (assurance) và các tiêu chuẩn (standards) xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quy trình và các mốc chuẩn cần đạt. Cơ chế bảo đảm nhằm xây dựng niềm tin dựa trên sự đánh giá, xác nhận của bên thứ ba độc lập. Tiêu chuẩn là các hướng dẫn mang tính tự nguyện, thể hiện các thông lệ thực hành tốt nhất của các chuyên gia kỹ thuật trong lĩnh vực tương ứng và tích hợp các yếu tố đạo đức và trách nhiệm trong toàn bộ vòng đời của TTNT.

*Thứ ba*, các văn bản quy phạm pháp luật, gồm luật và các văn bản dưới luật (legislation and regulation) quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan và chế tài khi có vi phạm, được bảo đảm thực hiện bởi cơ quan nhà nước. Có hai cách tiếp cận trong xây dựng pháp luật về TTNT: xây dựng một đạo luật chung về TTNT, điều chỉnh tổng thể, toàn diện mọi khía cạnh liên quan đến TTNT (cách tiếp cận theo chiều ngang - horizontal, cross-sectoral) và xây dựng các đạo luật chuyên biệt điều chỉnh riêng từng lĩnh vực áp dụng của TTNT (sector-specific).

Trên thực tế, không có một công thức chung nào cho quản trị TTNT, mà để đạt được hiệu quả, cần sự kết hợp của tất cả các công cụ, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Xu hướng phổ biến hiện nay là kết hợp giữa “luật cứng” (các quy định pháp luật có hiệu lực ràng buộc) và “luật mềm” (các nguyên tắc, khuyến nghị, hướng dẫn, tiêu chuẩn không có hiệu lực bắt buộc). Trên thực tế, có rất ít quốc gia xây dựng một đạo luật chung về TTNT do tính chất phức tạp, đa dạng và phát triển khó dự đoán trước của TTNT. Hiện chỉ có Liên minh châu Âu ban hành Luật TTNT và Hàn Quốc ban hành Luật khung (cơ bản) về TTNT. Đây là hai đạo luật được tham khảo trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật TTNT của Việt Nam.

## 2. Những ưu điểm của Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo<sup>5</sup>

Dự thảo Luật TTNT thể hiện quyết tâm chính trị rất cao của Việt Nam trong việc khẩn

<sup>3</sup>) Sharmista Appaya & Jeremy Ng (2024), *Global Trends in AI Governance - Evolving Country Approaches*, World Bank Group, p.8.

<sup>4</sup>) Viện Alan Turing, Tài liệu Khóa tập huấn về Quản trị trí tuệ nhân tạo, Module 4, Hà Nội ngày 30/9-03/10/2025.

<sup>5</sup>) Bài viết này phân tích Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 14/10/2025 được công bố trên trang web của Bộ Tư pháp cùng với Hồ sơ thẩm định Dự án Luật Trí tuệ nhân tạo, <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=5394>.

trương hoàn thiện thể chế quản trị TTNT nhằm thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ này, đồng thời kiểm soát rủi ro. Tuy được chuẩn bị trong một thời gian ngắn, gấp rút, Dự thảo Luật đã được xây dựng khá công phu, có phạm vi điều chỉnh toàn diện toàn bộ các hoạt động và các chủ thể liên quan trong vòng đời của TTNT. Dự thảo Luật đã tích hợp các giá trị phổ biến của nhân loại và kinh nghiệm của cộng đồng quốc tế về quản trị TTNT, như: lấy con người làm trung tâm, quản trị dựa trên phân loại mức độ rủi ro và thể hiện rõ các chính sách như vừa kiểm soát rủi ro, vừa thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực TTNT, bảo đảm chủ quyền quốc gia về TTNT, bảo đảm phát triển bao trùm, bền vững... Dự thảo Luật cũng thể hiện cách tiếp cận kết hợp giữa luật cứng và luật mềm với việc nhấn mạnh vai trò không chỉ của luật mà cả các chuẩn mực đạo đức trong việc điều chỉnh các hoạt động liên quan đến TTNT.

Nếu được thông qua, Luật TTNT sẽ tạo nền tảng cơ sở pháp lý thống nhất cho mọi hoạt động liên quan đến TTNT, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển và ứng dụng TTNT một cách có trách nhiệm, có đạo đức. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng xây dựng Luật TTNT chỉ là bước khởi đầu của quá trình hoàn thiện thể chế về TTNT và khung quản trị TTNT. Luật TTNT không phải là “cây đũa thần” giải quyết được tất cả các vấn đề liên quan đến TTNT. Thể chế về TTNT nên được tiếp cận rộng hơn, không chỉ gồm Luật TTNT và các nghị định hướng dẫn thi hành Luật này, mà gồm tất cả các chính sách, quy định pháp luật khác có liên quan. Thể chế quản trị TTNT có thể lấy Luật TTNT làm trung tâm, với sự hỗ trợ của các đạo luật chuyên ngành như Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật An ninh mạng, Luật Sở hữu trí tuệ, các

đạo luật trong lĩnh vực tư pháp như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính... Quan điểm phát triển và ứng dụng TTNT có trách nhiệm, bảo đảm tính bao trùm, đa dạng, bền vững cần được thấm thấu vào các chính sách, quy định pháp luật có liên quan khác một cách toàn diện như chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực bình đẳng giới, giáo dục, y tế, lao động, di sản văn hóa, mua sắm công, bảo vệ môi trường...

### **3. Một số ý kiến hoàn thiện Dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo**

#### **3.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Khoản 1 Điều 1 Dự thảo Luật quy định phạm vi điều chỉnh như sau: “Luật này quy định về hoạt động nghiên cứu, phát triển, cung cấp, triển khai và sử dụng hệ thống TTNT; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan; và quản lý nhà nước đối với các hoạt động TTNT được thực hiện tại Việt Nam hoặc có tác động đến tổ chức, cá nhân tại Việt Nam”. Trên thực tế, Dự thảo Luật có phạm vi rộng hơn, bao gồm cả những vấn đề về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động TTNT, bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp trong hoạt động TTNT. Phạm vi điều chỉnh như vậy là khá rộng và toàn diện, thậm chí rộng hơn so với các đạo luật về TTNT của một số quốc gia, khu vực được tham khảo trong quá trình soạn thảo. Đạo luật TTNT của Liên minh châu Âu không điều chỉnh vấn đề đạo đức TTNT cũng như vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Luật khung về TTNT của Hàn Quốc mặc dù có một chương riêng về đạo đức và trách nhiệm, song cũng không quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do TTNT gây ra. Có thể nói, trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến TTNT là một vấn đề rất phức tạp và còn nhiều tranh cãi, do đó nên cân nhắc thận trọng có nên quy định cụ thể trong Dự thảo Luật hay không,

nếu đưa vào thì quy định ở mức độ nào. Do TTNT luôn luôn phát triển không ngừng, khó dự đoán trước, để bảo đảm tính khả thi và gọn nhẹ, linh hoạt của Luật TTNT, có lẽ chỉ nên xây dựng Luật ở cấp độ luật khung, đưa ra các nguyên tắc, định hướng và chính sách cơ bản, các vấn đề cụ thể thì nên có thời gian nghiên cứu lý luận, đánh giá, tổng kết thực tiễn một cách đầy đủ.

Khoản 2 Điều 1 Dự thảo Luật quy định ba trường hợp loại trừ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật, trên cơ sở tham khảo Đạo luật TTNT của Liên minh châu Âu và Hàn Quốc, và khoản 3 Điều 1 quy định ngoại lệ của khoản 2 “Hệ thống TTNT thuộc trường hợp loại trừ quy định tại khoản 2 Điều này nhưng được sử dụng, điều chỉnh hoặc cung cấp cho mục đích khác ngoài phạm vi loại trừ, thì phần hoạt động, chức năng đó vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này”. Thực chất ngoại lệ này chỉ áp dụng cho điểm b khoản 2, tức là trường hợp “Hệ thống TTNT được phát triển, triển khai, sử dụng riêng cho mục đích quốc phòng, an ninh, tình báo, cơ yếu”, nhưng vẫn có phần hoạt động, chức năng phục vụ cho mục đích dân sự. Do vậy, khoản 3 Điều 1 cần chỉ rõ là “Hệ thống TTNT thuộc trường hợp loại trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này nhưng được sử dụng, điều chỉnh hoặc cung cấp cho mục đích khác ngoài phạm vi loại trừ, thì phần hoạt động, chức năng đó vẫn thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này”.

### 3.2. Về giải thích từ ngữ (Điều 2)

Dự thảo Luật đề cập và đưa ra định nghĩa cho 5 nhóm chủ thể: nhà phát triển, nhà cung cấp, bên triển khai, người sử dụng và người bị tác động. Tuy nhiên, định nghĩa “nhà cung cấp” trong Dự thảo Luật đã bao trùm cả định nghĩa “nhà phát triển”, liệu sự phân biệt này giữa “nhà phát triển” và “nhà cung cấp” có

ý nghĩa gì trong việc quy định quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai nhóm chủ thể này hay không?

Ngoài ra, cần nhắc thêm về định nghĩa “người sử dụng” và “người bị ảnh hưởng” trong Dự thảo Luật hiện chỉ giới hạn đối với “cá nhân”? Nếu tham chiếu với định nghĩa của ASEAN, EU và Hàn Quốc, có thể thấy khái niệm “người sử dụng” và “người bị ảnh hưởng” không chỉ giới hạn ở cá nhân mà bao gồm cả các chủ thể khác. Một pháp nhân cũng có thể là người bị ảnh hưởng, ví dụ: hệ thống TTNT được sử dụng để xét duyệt khoản vay có thể có rủi ro sai lệch, phân biệt đối xử gây ảnh hưởng cho doanh nghiệp.

### 3.3. Về các nguyên tắc cơ bản của Luật

Tám nguyên tắc cơ bản ở Điều 4 Dự thảo Luật đã thể hiện rõ các giá trị cốt lõi, phổ biến của nhân loại về quản trị TTNT và TTNT có trách nhiệm: lấy con người làm trung tâm; trách nhiệm và kiểm soát của con người; an toàn, công bằng và minh bạch; tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức; tự chủ quốc gia và hội nhập quốc tế; phát triển xanh, bao trùm và bền vững; quản lý dựa trên rủi ro; thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, nội hàm một số nguyên tắc cơ bản dường như còn có sự trùng lặp với nhau và chồng chéo với các nguyên tắc đạo đức ở Chương V. Có lẽ nên tham khảo cách tiếp cận hai tầng như Khuyến nghị của UNESCO về đạo đức TTNT: tầng thứ nhất là các giá trị cốt lõi, định hướng lớn về chính sách, cách tiếp cận, còn tầng thứ hai là các nguyên tắc đạo đức (mang tính cụ thể hơn) để tránh sự trùng lặp.

Về Nguyên tắc số 1 “Lấy con người làm trung tâm”, nên xem xét làm nổi bật nội dung: Hệ thống trí tuệ nhân tạo phải phục vụ và hỗ trợ con người, không gây hại cho con người, tôn trọng nhân phẩm và các quyền

con người. Nội dung tôn trọng “các giá trị văn hóa, đạo đức của dân tộc” có phần trùng lặp với Nguyên tắc số 4, nên xem xét gộp vào Nguyên tắc số 4.

Nguyên tắc số 3 về An toàn, công bằng và minh bạch nên được đưa sang nguyên tắc đạo đức TTNT ở Chương V để tránh sự trùng lặp, đồng thời bảo đảm sự tương xứng ở cấp độ định hướng chính sách lớn giữa các nguyên tắc cơ bản.

Nguyên tắc số 5 về Phát triển xanh, bao trùm và bền vững: bên cạnh việc “giữ gìn bản sắc dân tộc” cần nhấn mạnh thêm nội dung “*tôn trọng, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức, xã hội, truyền thống của Việt Nam*”.

Nguyên tắc số 8 về Thúc đẩy đổi mới sáng tạo nên bổ sung, nhấn mạnh thêm nội dung: *Thúc đẩy đổi mới sáng tạo có trách nhiệm trên cơ sở hài hòa, cân bằng giữa lợi ích và rủi ro của các hệ thống TTNT, tạo động lực cho sự phát triển* (nên đưa nội dung này vào trước đoạn: Nhà nước kiến tạo môi trường pháp lý và chính sách thuận lợi, an toàn để thúc đẩy nghiên cứu, khởi nghiệp và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến hệ thống TTNT).

### **3.4. Về các chính sách của Nhà nước đối với trí tuệ nhân tạo (Điều 5)**

Dự thảo Luật đưa ra 8 chính sách lớn của Nhà nước đối với TTNT. Các chính sách này là phù hợp và thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước về quản trị rủi ro và thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

Đối với chính sách “Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật đồng bộ, minh bạch, an toàn và có khả năng thích ứng để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển và ứng dụng TTNT” (khoản 2 Điều 5), nên cân nhắc

thể hiện rõ hơn cách tiếp cận quản trị TTNT theo hướng kết hợp cả “luật cứng” (khung pháp lý mang tính ràng buộc) và “luật mềm” (khung đạo đức, khuyến nghị, hướng dẫn), kết hợp giữa “kiểm soát” và “thúc đẩy”. Ví dụ, có thể sửa là: *“Xây dựng và hoàn thiện thể chế, khung pháp lý, đạo đức và các hướng dẫn, tiêu chuẩn nhằm thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng TTNT một cách an toàn, đáng tin cậy và có trách nhiệm, đồng thời tạo môi trường phát triển thuận lợi cho hệ sinh thái TTNT”*.

Bên cạnh đó, nên cân nhắc tham khảo thêm chính sách ứng phó với sự thay đổi do TTNT mang lại (Luật khung về TTNT của Hàn Quốc): Nhà nước tiến hành đánh giá tác động toàn diện và có chính sách ứng phó với những thay đổi trong mọi lĩnh vực, bao gồm kinh tế, xã hội, văn hóa và đời sống thường nhật của người dân do TTNT mang lại, đồng thời giúp mọi công dân có thể thích ứng ổn định với sự thay đổi (ví dụ: lao động, việc làm, giáo dục, an sinh xã hội, văn hóa, bình đẳng giới, môi trường...).

### **3.5. Về áp dụng pháp luật**

Khoản 4 Điều 6 Dự thảo Luật quy định: Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, công nghệ, tác phẩm và dữ liệu liên quan đến TTNT tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Việc liệt kê các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở đây có thể dẫn đến bỏ sót và thiếu tính khái quát. Nên cân nhắc sửa là: “Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng liên quan đến TTNT tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ”.

### **3.6. Về các nguyên tắc đạo đức trí tuệ nhân tạo**

Dự thảo Luật dành một chương riêng về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động

TTNT. Đây là một điểm khá đặc biệt so với các luật khác và cũng có quan điểm cho rằng trong văn bản luật không nên có quy định về đạo đức, bởi pháp luật và đạo đức là hai phạm trù khác nhau. Tuy nhiên, việc dành một chương riêng về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động TTNT cũng góp phần thể hiện rõ ràng quan điểm, định hướng và cam kết của Việt Nam trong việc cam kết phát triển và ứng dụng TTNT một cách có đạo đức, có trách nhiệm, góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vấn đề này.

Khoản 1 Điều 38 Dự thảo Luật vừa nêu tên các nguyên tắc, vừa bước đầu đi vào diễn giải, trình bày nội dung của nguyên tắc. Tuy nhiên, ở cấp độ luật khung, tên gọi các nguyên tắc nên được diễn đạt ngắn gọn, cô đọng bằng một từ khóa hoặc cụm từ, còn nội hàm và yêu cầu của nguyên tắc nên được cụ thể, chi tiết hóa sau này trong Khung đạo đức TTNT quốc gia và các hướng dẫn tiếp theo. Do đó, nên sửa lại tên gọi và thứ tự các nguyên tắc như sau: a) An toàn, an ninh và tin cậy; b) Công bằng và không phân biệt đối xử; c) Minh bạch và có thể giải thích; d) Trách nhiệm giải trình.

### 3.7. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Trong luật dân sự, có các học thuyết (nguyên lý) sau đây được áp dụng đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: trách nhiệm dựa trên lỗi cố ý (intentional torts), trách nhiệm dựa trên sự bất cẩn (negligence), trách nhiệm nghiêm ngặt (strict liability). Các yếu tố cấu thành trách nhiệm dựa trên sự bất cẩn bao gồm: (1) nghĩa vụ cẩn trọng hợp lý (duty of reasonable care) của bị đơn; (2) bị đơn đã vi phạm nghĩa

vụ đó bằng việc không loại trừ các nguy cơ gây thiệt hại có thể dự liệu trước (breach of duty); (3) có thiệt hại xảy ra (damages) và (4) có mối quan hệ nhân quả giữa sự vi phạm nghĩa vụ của bị đơn và thiệt hại xảy ra. Trách nhiệm nghiêm ngặt là trách nhiệm của chủ thể dù không có lỗi.

Như trên đã đề cập, các quốc gia trên thế giới hiện nay còn khá thận trọng trong xây dựng các quy định đặc thù về trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến TTNT. Ủy ban châu Âu đã nghiên cứu, chuẩn bị Dự thảo Quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến TTNT (AI Liability Directive) từ năm 2021 đến 2024, với các quy định đặc thù tạo điều kiện thuận lợi để người yêu cầu bồi thường thực hiện được nghĩa vụ chứng minh vốn khó khăn, phức tạp trong các vụ kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại dựa trên nguyên lý trách nhiệm do lỗi bất cẩn. Dự thảo Luật đưa ra một giả định có thể bác bỏ (rebuttable presumption) về mối quan hệ nhân quả giữa lỗi hệ thống TTNT và thiệt hại gây ra, giúp nguyên đơn có thể dễ dàng chứng minh yếu tố này. Ngoài ra, nguyên đơn có quyền tiếp cận chứng cứ từ các nhà cung cấp hệ thống TTNT hoặc người dùng hệ thống TTNT có rủi ro cao. Quyền này có thể bao gồm nhiều thông tin, bao gồm các tài liệu cụ thể như hướng dẫn sử dụng và yêu cầu ghi nhật ký. Tuy nhiên, tháng 02/2025, Ủy ban châu Âu cuối cùng đã rút đề xuất Quy định này vào tháng 02/2025 do không đạt được sự đồng thuận của các quốc gia thành viên và do tác động của làn sóng kêu gọi đơn giản hóa quy định về TTNT từ phía các doanh nghiệp công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo<sup>6</sup>.

<sup>6</sup>) Xem: <https://www.europarl.europa.eu/legislative-train/theme-a-europe-fit-for-the-digital-age/file-ai-liability-directive>; <https://www.euronews.com/next/2025/07/31/eu-commission-confirms-ditching-of-ai-liability-and-patents-proposals>; <https://www.twobirds.com/en/insights/2025/proposed-eu-ai-liability-rules-withdrawn>, truy cập ngày 19/10/2025.

Theo cơ quan soạn thảo Dự thảo Luật TTNT, khoảng trống về trách nhiệm pháp lý khi TTNT gây thiệt hại đang là một trong những thách thức pháp lý nhức nhối nhất từ thực tiễn. Tuy nhiên, trên thực tế, ở Việt Nam hầu như không có thực tiễn giải quyết tranh chấp dân sự liên quan đến bồi thường thiệt hại do TTNT gây ra. Trên thế giới, các tranh chấp này vẫn được Tòa án giải quyết dựa trên nguyên tắc chung về bồi thường thiệt hại trên cơ sở lỗi bất cẩn. Ví dụ điển hình là vụ Moffat kiện Hãng hàng không Air Canada với phán quyết được đưa ra vào tháng 2/2024, trong đó cơ quan giải quyết tranh chấp tuyên Hãng hàng không Air Canada phải bồi thường cho một hành khách hơn 600 USD do chatbot trả lời tự động của họ đưa thông tin sai về chính sách giảm giá đặc biệt. Phán quyết đồng ý với cáo buộc của nguyên đơn về việc bị đơn, thông qua chatbot của mình, đã có hành vi cung cấp thông tin sai lệch một cách cẩu thả (negligent misrepresentation)<sup>7</sup> và tuyên bố hãng hàng không này phải có nghĩa vụ thông tin chính xác cho khách hàng. Phán quyết nhận định rằng, chuẩn mực ứng xử cẩn trọng (standard of care) yêu cầu hãng hàng không phải có sự cẩn thận hợp lý để bảo đảm những phát ngôn của họ không gây hiểu lầm. Chatbot là một phần của trang web chứ không phải một chủ thể pháp luật độc lập. Air Canada phải thấy rõ rằng họ chịu trách nhiệm về tất cả thông tin trên trang web của mình, bất kể thông tin đó xuất hiện trên trang web “tĩnh” hay được cung cấp bởi chatbot. Phán quyết cũng bác bỏ lập luận của bị đơn rằng Moffat phải xác minh, đối chiếu thông tin do chatbot cung

cấp với thông tin đúng trên trang web của Air Canada, bởi như vậy sẽ tạo nên gánh nặng quá mức cho người tiêu dùng. Phán quyết buộc hãng hàng không Air Canada phải bồi thường cho ông Moffat tổng cộng hơn 600 USD<sup>8</sup>.

Về vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Dự thảo Luật có ưu điểm là đã khẳng định rõ chủ thể chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại chỉ có thể là con người (cá nhân hoặc pháp nhân) chứ không thể là thực thể TTNT hay một chủ thể ẩn danh nào đó. Đây là cách tiếp cận hoàn toàn phù hợp với lý thuyết truyền thống về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phù hợp với thực tiễn trên thế giới. Thứ hai, Dự thảo Luật đã “chi mặt điểm tên” và đưa ra định nghĩa các chủ thể tham gia trong vòng đời của hệ thống TTNT gồm nhà phát triển, nhà cung cấp, bên triển khai, người sử dụng, người bị ảnh hưởng, đưa ra các yếu tố để xác định chủ thể chịu trách nhiệm như mức độ rủi ro của hệ thống, vai trò và mức độ kiểm soát của các chủ thể trong suốt vòng đời hệ thống, khả năng dự báo rủi ro và việc áp dụng biện pháp phòng ngừa, khắc phục; phân định lỗi kỹ thuật, lỗi dữ liệu và lỗi quản trị... Tuy nhiên, khoản 2 Điều 42 Dự thảo Luật đưa ra một khái niệm mới, lần đầu tiên được sử dụng trong Luật, đó là “*trách nhiệm pháp lý khách quan*”, nhưng không có giải thích thuật ngữ. Liệu khái niệm này có đồng nhất với khái niệm mang tính học thuật là “trách nhiệm nghiêm ngặt” (strict liability) (tức là trách nhiệm không dựa trên lỗi) hay không? Theo tác giả, nên có sự cân nhắc thận trọng trước khi đưa một khái niệm mới vào văn bản luật ■

<sup>7</sup> Trách nhiệm dân sự đối với hành vi “negligent misrepresentation” (cung cấp thông tin sai lệch một cách cẩu thả) phát sinh theo luật pháp Canada khi người bán không thực hiện sự cẩn trọng hợp lý để bảo đảm các tuyên bố của mình là chính xác và không gây hiểu lầm.

<sup>8</sup> <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/chatbot-hua-hao-hang-hang-khong-phai-boi-thuong-cho-khach-d46375.html>.